

# **BÀN VỀ KHÓ KHĂN VÀ ĐỐI SÁCH TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ VĂN VẬT Ở TRUNG QUỐC HIỆN NAY**

**TS. KHƯƠNG HÂN\***  
**TS. CHU CHI DUNG\*\***

**T**huật ngữ “văn vật” đã xuất hiện rất lâu đời ở Trung Quốc, thuật ngữ này xuất hiện sớm nhất trong cuốn “Tả truyện” vào giai đoạn đầu thời Chiến quốc. Lúc đó “văn vật” dùng để chỉ các khí cụ và đồ vật tế lễ trong “lễ nhạc diên chương”. Thuật ngữ “văn vật” hiện nay tuy có liên hệ với ý nghĩa nguyên thủy đó nhưng về cơ bản vẫn là hai khái niệm khác nhau. Hiện nay, thuật ngữ này có nội dung rộng hơn, dùng để chỉ những di tích và di vật có giá trị về lịch sử, nghệ thuật, khoa học mà con người đã để lại trong hoạt động xã hội của mình.<sup>(1)</sup> Điều 2 Luật bảo vệ di sản văn hoá (văn vật) nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa quy định nội hàm của thuật ngữ “văn vật” chủ yếu bao gồm năm nội dung sau đây:

- Những di tích văn hoá cổ, mộ cổ, kiến trúc cổ, thơ khắc trên đá, điêu khắc, tranh tường có giá trị về lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

- Những di tích lịch sử, di vật, kiến trúc điển hình thời kỳ cận hiện đại có liên quan đến những sự kiện lịch sử trọng đại, phong trào cách mạng hoặc các nhân vật nổi tiếng cũng như có giá trị kỷ niệm quan trọng, ý nghĩa giáo dục hoặc giá trị sử liệu.

- Vật phẩm nghệ thuật, mỹ thuật, thủ công quý của các thời lịch sử.

- Các tư liệu văn bản quan trọng của các thời kỳ lịch sử cũng như các tư liệu sách vở, chép tay có giá trị lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

- Các vật phẩm có tính đại diện phản ánh cuộc sống, sản xuất, chế độ xã hội của các thời đại, các dân tộc trong lịch sử.

Trung Quốc là nước có nền văn minh cổ lâu đời, có nền văn hoá cổ đại rực rỡ. Di sản văn hoá được lưu truyền lại từ những thời kỳ xa xưa vô cùng phong phú, là tài sản quý báu của Trung Quốc cũng như của nền văn hoá thế giới. Việc bảo vệ di sản mà tổ tiên để lại vừa là trách nhiệm của xã hội hiện nay, vừa là công việc bảo tồn cho các thế hệ nối tiếp và cao hơn nữa là cống hiến cho toàn bộ xã hội loài người.

## **1. Lược sử hoạt động bảo vệ di sản văn hoá ở Trung Quốc**

Thời cổ đại, mặc dù pháp luật được đặt ra nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị nhưng về khách quan nó cũng có vai trò nhất định trong việc bảo vệ các di sản văn hóa. Ví dụ: Pháp luật thời nhà Chu đã quy định tội ăn cắp bảo khí. “Khí” ở đây chỉ bảo vật quốc gia, là những đồ dùng trong cúng tế. Trong “Tả truyện - Văn Công năm thứ 18” có ghi lại quy định của Chu Công như sau: “*Phá huỷ (văn vật) là tội ăn trộm, bảo vệ đồ ăn trộm là tội tàng trữ trái phép, trộm cắp các văn vật là vi phạm nghiêm trọng đạo đức, xử*

\* Khoa luật Đại học tổng hợp Văn Nam Trung Quốc

\*\* Trường đại học nhân văn

Đại học tổng hợp Văn Nam Trung Quốc

*tội nặng, quyết không khoan dung*".<sup>(2)</sup> Sau đời nhà Chu, giai cấp thống trị ngày càng định ra những quy định nghiêm khắc hơn về việc bảo vệ bảo khí quốc gia cũng như tông miếu, lăng mộ của các bậc đế vương.

Bất kể là trong "Pháp kinh" thời Chiến quốc hay trong "Cửu chương luật" đều có những quy định về hình phạt cho tội ăn trộm hay huỷ hoại tông miếu cũng như lăng mộ, cung điện hoàng gia. Pháp luật thời Hán còn quy những hành vi này vào "đại nghịch bất đạo". Đây chính là hình thức sớm nhất của tội "thập ác" được quy định bởi các triều đại về sau. Luật pháp đời Đường là luật pháp có bước phát triển cao và khá hoàn thiện trong lịch sử chế độ pháp luật cổ đại Trung Quốc và thể hiện tập trung nhất trong "Đường luật sơ nghĩa". Trong "Đường luật" xếp tội huỷ hoại tông miếu, lăng mộ, cung tẩm vào vị trí thứ 2 trong "thập ác", gọi là "muru đại nghịch" và chỉ xếp sau "muru phản" và phải dùng cực hình. Ngoài ra, Bộ luật này còn đưa ra những điều lệnh về việc bảo vệ văn vật bên trên và phía dưới mặt đất. Trong "Tặc đạo luật" quy định: "chư đạo huỷ thiên tôn tượng, Phật tượng giả, đồ tam niên (huỷ hoại các tượng thần, tượng Phật, phạt tù 3 năm)"; "chư phát trung gia gia dịch lưu; dĩ khai quan quách giả, giáo (những người phạm tội xâm phạm nghiêm trọng mồ mả người khác có thể xử lưu đày, người huỷ hoại thi thể người khác có thể bị xử chém đầu)"... Chế độ bảo vệ văn vật đời Đường đã tạo cơ sở cho các triều đại tiếp sau, từ Tống Nguyên đến Minh, Thanh có căn cứ và ngày càng hoàn thiện thêm.<sup>(3)</sup>

Năm 1928 khi Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa chưa được thành lập, Chính phủ Quốc dân đảng đã thiết lập Ủy ban bảo

quản cổ vật trung ương, phụ trách công tác bảo quản và bảo vệ di sản văn hoá trong cả nước. Năm 1930, Chính phủ Quốc dân đảng công bố Luật bảo tồn cổ vật. Sau đó Viện hành chính lại công bố Những quy định về khai quật cổ vật, đặt ra các nội dung như phê chuẩn khai quật, khảo cổ. Tuy nhiên, do chiến tranh chống xâm lược Nhật và nội chiến nên những điều luật và quy định này đã không được thực hiện một cách có hiệu quả.

Sau khi Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập, trong việc xây dựng cơ cấu cũng như trong việc lập pháp, chính quyền trung ương đều chú trọng đến việc bảo vệ di sản văn hoá. Đầu tiên ở cấp trung ương đã thành lập Cục quản lý di sản văn hoá quốc gia, phụ trách tất cả các công việc có liên quan đến bảo vệ di sản văn hoá. Ở cấp tỉnh, trừ Đài Loan, Hồng Kông và Ma Cao, trong 32 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và khu tự trị thì có 20 tỉnh thành có cục di sản văn hoá, phụ trách công tác bảo tàng và bảo vệ di sản văn hoá của địa phương. Những nơi chưa thành lập được cục di sản văn hoá của địa phương mình thì đều có phòng di sản văn hoá trực thuộc phòng văn hoá cấp tỉnh phụ trách các công việc có liên quan đây là sự bảo đảm về mặt pháp lý cho công tác bảo vệ di sản văn hoá. Về mặt pháp luật, Trung Quốc đã ban bố nhiều bộ luật, pháp quy làm cơ sở pháp lý cho công tác bảo vệ di sản văn hoá. Khi Nhà nước Trung Quốc mới được thành lập, Viện chính vụ Chính phủ trung ương đã ban bố Quy định tạm thời về việc điều tra khai quật di chỉ văn hoá cổ và mộ táng cổ vào năm 1950, trong đó quy định: "*Khi chưa được sự cho phép của Chính phủ thì bất cứ tổ chức, cá nhân nào đều không được phép tự ý tiến hành khai quật*". Năm 1961, Quốc vụ

viện công bố Các điều khoản tạm thời về việc quản lý và bảo vệ di sản văn hoá, trong đó đưa ra những quy định để phối hợp với việc xây dựng công trình và nghiên cứu khoa học. Năm 1964, ngành quản lý di sản văn hoá căn cứ vào các điều khoản này đưa ra các biện pháp quản lý tạm thời về việc khai quật, điều tra mộ táng cổ và di chỉ cổ. Năm 1982, Luật bảo vệ di sản văn hoá nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được công bố, Bộ luật này gồm 8 chương, 33 điều, có nội dung bao gồm: Phân tổng quan, đơn vị bảo vệ di sản văn hoá, khảo cổ khai quật, cất giữ cổ vật, cá nhân sưu tầm cổ vật, việc xuất khẩu cổ vật... Năm 1992, Quốc vụ viện lại ban hành văn bản “Hướng dẫn thực hiện Luật bảo vệ di sản văn hoá nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa gồm 8 chương, 50 điều, phân tích sâu hơn về tinh thần của Luật đồng thời tăng cường tính khả thi của Bộ luật. Ngoài ra, Cục di sản văn hoá quốc gia căn cứ vào Luật bảo vệ di sản văn hoá đã đưa ra các mẫu quy định về “xin phép khai quật khảo cổ”, “giấy phép khai quật khảo cổ” năm 1983, “biện pháp thẩm định tư cách khai quật khảo cổ” năm 1983... Sau đó trên cơ sở các văn bản pháp quy nêu trên, cơ quan này đã ban hành Biện pháp quản lý khai quật khảo cổ vào năm 1998, trong đó đưa ra những quy định rõ ràng về thẩm định tư cách khai quật khảo cổ, xin phép và phê duyệt các hạng mục, việc tiến hành và quản lý các hạng mục, chỉnh lý tư liệu và báo cáo khai quật... Để tăng cường bảo vệ di vật dưới nước, Quốc vụ viện năm 1989 còn ban hành Điều lệ quản lý bảo vệ di sản văn hoá dưới nước của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Để thúc đẩy và quy phạm hoá việc hợp tác với nước ngoài, cơ quan này còn ban hành Biện pháp quản lý việc khảo cổ của nước Cộng hoà nhân dân

Trung Hoa có liên quan đến nước ngoài vào năm 1991. Ngày 28/10/2002 Quốc vụ viện đã thông qua Luật bảo vệ di sản văn hoá sửa đổi gồm 8 chương trong đó các điều khoản tăng từ 33 điều lên 80 điều.

Có thể nói rằng sau gần 70 năm cố gắng trong lĩnh vực quản lý khảo cổ, Trung Quốc đã xây dựng được hệ thống pháp luật tương đối hoàn thiện và đồng bộ lấy “Luật bảo vệ di sản văn hoá nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” là trung tâm.<sup>(4)</sup>

## **2. Những vấn đề tồn tại trong việc bảo vệ di sản văn hoá Trung Quốc giai đoạn hiện nay**

So sánh với các thời kì trước đây, Đảng và Chính phủ luôn coi trọng công tác bảo vệ di sản văn hoá trên phương diện xây dựng cơ cấu tổ chức cũng như bảo đảm về mặt pháp luật. Sự nghiệp bảo vệ di sản văn hoá đã đạt được những bước phát triển mạnh và có nhiều thành tích trong hoạt động bảo quản, bảo vệ và nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn mới, đặc biệt là trong thời kì kinh tế thị trường phát triển mạnh như hiện nay, sự nghiệp bảo vệ di sản văn hoá của Trung Quốc cũng đứng trước hàng loạt khó khăn thử thách. Điều này đòi hỏi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải theo kịp thời đại, có những điều chỉnh thích hợp để công tác bảo vệ di sản văn hoá đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, từ đó có đóng góp cho các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội...

Hiện nay, việc bảo vệ di sản văn hoá Trung Quốc tồn tại những mâu thuẫn và bất cập trên các mặt chủ yếu sau:

### *2.1. Mâu thuẫn giữa xây dựng kinh tế và bảo vệ di sản văn hoá*

Dưới góc độ nào đó thì giữa xây dựng kinh tế và bảo vệ di sản văn hoá luôn tồn tại những mâu thuẫn nhất định. Có thể nói rằng

những thành tựu đạt được của công tác bảo vệ di sản văn hoá ở Trung Quốc hiện nay cũng không tách rời sự phát triển nhanh chóng của kinh tế. Quốc gia giàu mạnh mới có thể cung cấp vật lực, tài lực và nhân lực cho công tác bảo vệ di sản văn hoá, mới có thể cứu được nhiều di tích đang đứng trước nguy cơ bị huỷ hoại. Đồng thời với việc thúc đẩy công tác bảo vệ di sản văn hoá phát triển, việc xây dựng kinh tế cũng tạo nên những nguy hại cho di sản văn hoá mà chủ yếu biểu hiện ở hai phương diện xây dựng cơ sở hạ tầng và khai thác du lịch văn hoá.

Phát triển kinh tế và bảo vệ di tích là một cặp mâu thuẫn. Kinh tế phát triển làm thay đổi bộ mặt thành phố, nông thôn, đường quốc lộ... nhưng cũng làm tổn hại cho các di tích trên và dưới mặt đất.<sup>(5)</sup> Mặc dù Luật quy hoạch thành phố và Luật bảo vệ di sản văn hoá đã quy định rõ: “*Thiết kế quy hoạch thành phố cần chú ý bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái thành phố, dự phòng ô nhiễm và những nguy hại khác, tăng cường xanh hoá bộ mặt thành phố, bảo vệ di tích lịch sử văn hoá cũng như cảnh quan tự nhiên, nét độc đáo của địa phương cũng như phong tục truyền thống*”.<sup>(6)</sup> “*Chính quyền nhân dân các cấp khi tiến hành quy hoạch cần căn cứ vào yêu cầu của việc bảo vệ di tích địa phương, bộ phận tham gia quy hoạch cần bàn bạc với các đơn vị quản lý bảo vệ di tích trước để ra biện pháp cụ thể và cho vào quy hoạch*”.<sup>(7)</sup> “*Trước khi tiến hành xây dựng cơ bản, các đơn vị xây dựng cần thông báo tới chính quyền nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương để tổ chức các đơn vị khu vực tiến hành khảo cổ điều tra trên diện rộng với những nơi có thể có di*

*san văn hoá bị chôn vùi dưới đất*”.<sup>(8)</sup> Nhưng trong thực tế những điều này chỉ được quán triệt thực hiện tốt khi xây dựng những công trình cỡ lớn cấp quốc gia còn đối với các hạng mục quy hoạch của địa phương thì rất khó thực hiện. Nguyên nhân là do việc bảo vệ di sản văn hoá và xây dựng cơ bản tồn tại những mâu thuẫn về lợi ích. Luật bảo vệ di sản văn hoá quy định: “*Địa điểm xây dựng công trình cần tránh những nơi mà không thể di chuyển di sản văn hoá được, do nguyên nhân đặc biệt không thể tránh được thì đơn vị bảo vệ di sản văn hoá cần tiến hành bảo vệ tại ngay địa điểm đó, nếu như không thể tiến hành bảo vệ ngay tại địa điểm thì dưới sự phê chuẩn của các cơ quan cấp tỉnh, khu tự trị và hành phố trực thuộc trung ương hoặc các cơ quan cấp cao hơn tiến hành dỡ bỏ hoặc chuyển đến địa điểm mới. Việc bảo vệ ngay tại địa điểm cũng như di dời hay phá bỏ đều do bên xây dựng bỏ kinh phí*”. Việc đưa kinh phí này vào quy hoạch xây dựng cơ bản làm tăng số vốn đầu tư của chính quyền địa phương và kéo dài thời gian hoàn thành công trình. Chính vì thế mà đa số chính quyền địa phương các cấp thường chỉ chú ý đến mục tiêu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế mà không chú ý việc bảo vệ di sản văn hoá trong quá trình quy hoạch.

Trung Quốc so với các nước phát triển phương Tây còn là nước đang phát triển, kinh phí dùng cho việc bảo vệ di sản văn hoá không thể bằng những nước này nhưng Trung Quốc mong đợi nhiều hơn lợi ích kinh tế mà di sản văn hoá mang lại.<sup>(9)</sup> Di sản văn hoá có thể mang lại lợi ích kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển, đặc biệt đối với những vùng du lịch phát triển như Lệ Giang ở Vân Nam, Bình

Dao ở Sơn Tây... Lợi ích kinh tế khả quan cũng là những động lực lớn cho không ít các cơ quan chính quyền địa phương. Chính vì thế mà làn sóng đầu tư trùng tu di sản văn hoá, cải tạo môi trường, đề nghị công nhận là di sản quốc tế không ngừng tăng lên. Có thể nói đây là xu hướng tốt, thể hiện các tầng lớp xã hội đã thấy được giá trị to lớn của di sản văn hoá. Tuy nhiên cũng cần thấy rằng mọi người coi trọng các di sản văn hoá về mặt giá trị kinh tế, còn đối với các giá trị giáo dục, nghiên cứu khoa học thì vẫn xem nhẹ đồng thời xem nhẹ việc bảo vệ các di sản văn hoá này.

### *2.2. Mâu thuẫn giữa xây dựng cơ chế và hoạt động bảo vệ di sản văn hoá*

Chế độ hành chính ngành quản lý di sản văn hoá và việc bảo vệ di sản văn hoá cũng chưa hài hoà. *Thứ nhất*, các cơ quan quản lý di sản văn hoá do chịu sự quản lý trực tiếp nên khó có thể có tác dụng giám sát, chi phối chính quyền địa phương. *Thứ hai*, cơ chế phụ trách nhiều đầu mối làm cho công tác bảo vệ di sản văn hoá khó tiến hành một cách có trình tự.

Hiện nay trung ương và địa phương đều thiết lập cục quản lý di sản văn hoá chuyên phụ trách các công tác có liên quan đến bảo vệ di sản văn hoá. Nhưng giữa các cơ quan trung ương và địa phương không có mối quan hệ quản lý trực tiếp mà chỉ đơn thuần là quan hệ chỉ đạo nghiệp vụ. Cục di sản văn hoá quốc gia chủ yếu phụ trách tổ chức, hiệp đồng công tác bảo vệ di sản văn hoá của một số hạng mục xây dựng lớn đồng thời phụ trách hạng mục khảo cổ dưới nước và hàng không, giúp đỡ các công tác bảo vệ di sản văn hoá, các đề tài nghiên cứu khảo cổ và xuất bản báo cáo học thuật... Phòng di sản

văn hoá của các tỉnh chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền địa phương, chỉ chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Cục di sản văn hoá quốc gia. Chức năng cơ bản của phòng di sản văn hoá là phụ trách các hạng mục khảo cổ tại địa phương, hiệp đồng với cục di sản văn hoá quốc gia giám sát việc thực thi và chất lượng khai quật khảo cổ tại địa phương, tổ chức và phối hợp với các hạng mục xây dựng tiến hành công tác thăm dò và khai quật, phụ trách công tác bảo vệ di chỉ. Từ đó có thể thấy rằng việc tổ chức nhân sự, cung cấp kinh phí... của phòng quản lý di sản văn hoá cấp địa phương đều đặt dưới sự quản lý của chính quyền địa phương, việc thi tuyển công chức, đề bạt lên chức... cũng do chính quyền địa phương quyết định. Do đó, khi các hạng mục xây dựng và việc bảo vệ di sản văn hoá xảy ra mâu thuẫn, đặc biệt là đối với các hạng mục xây dựng cơ bản quan trọng của địa phương thì phòng quản lý di sản văn hoá rất khó có thể có các biện pháp giám sát và bảo vệ hữu hiệu. Trên thực tế có rất nhiều cán bộ quản lý di sản văn hoá làm đúng trách nhiệm của mình nhưng luôn bị quy vào "tội" ngăn cản sự phát triển kinh tế của địa phương.

Ngoài ra, cơ chế phụ trách nhiều đầu mối cũng là nguyên nhân làm cho công tác bảo vệ di sản văn hoá rơi vào khó khăn. Hiện nay, các di chỉ văn hoá hữu hình thuộc sự quản lý, bảo vệ của ngành di sản văn hoá, các danh lam thắng cảnh và thành cổ mang tính tổng hợp lại do ngành xây dựng và ngành di sản văn hoá cùng quản lý. Công tác đề nghị xét di sản văn hoá thế giới lại do Ủy ban phụ trách giáo dục Liên hợp quốc của Trung Quốc tiến hành còn việc quản lý lại là việc của chính quyền địa phương và cơ quan

quản lý của địa phương đó. Hình thức quản lý này hết sức phức tạp trong khi chỉ có một đối tượng quản lý tạo nên tình trạng cũng quản lý nhưng trách nhiệm lại không thuộc về ai. Đặc biệt, có tình trạng tranh giành về lợi ích và đổ lỗi cho nhau khi quy trách nhiệm. Kết quả là các di tích và di sản đã không được bảo vệ kịp thời và có hiệu quả.

### *2.3. Bao đảm pháp luật cho việc bảo vệ di sản văn hoá chưa được kiện toàn*

Như trên đã nói, Trung Quốc đã tiến hành soạn thảo và thực thi nhiều văn bản pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ di sản văn hoá. Đây là bước tiến xa so với những thời kì trước. Tuy nhiên, trong thực tế công tác, sự bảo đảm về mặt pháp luật cho công tác bảo vệ di sản văn hoá vẫn còn tồn tại một số vấn đề.

Trước tiên, Luật bảo vệ di sản văn hoá luật cơ sở trong lĩnh vực bảo vệ di sản văn hoá thì vẫn tồn tại hiện tượng tính chi đạo cao nhưng khả năng thực thi kém. Điều 4 Luật bảo vệ di sản văn hoá quy định nguyên tắc, phương châm bảo vệ di sản văn hoá là: “*bảo vệ là chính, ứng cứu hàng đầu, sử dụng hợp lý, tăng cường quản lý*”. Trên góc độ vĩ mô, nguyên tắc này là hoàn toàn phù hợp với mức độ phát triển kinh tế của Trung Quốc hiện nay. Nhưng khi thực thi cụ thể thì vẫn còn nhiều điều cần bàn đặc biệt là nguyên tắc “*sử dụng hợp lý*”. Do không có những giải thích cụ thể hơn nên nhiều khi nguyên tắc này đã trở thành lí do hợp pháp cho những hành động phá hoại di sản văn hoá. Điều 9 Luật bảo vệ di sản văn hoá quy định chung rằng trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế-xã hội cần bảo đảm an toàn cho di sản văn hoá, không được gây ra những tổn hại cho di sản văn hoá. Nhưng di

sản văn hoá là đối tượng bảo vệ đặc thù mang những đặc tính riêng, đối với mỗi loại di sản văn hoá mang những tính chất khác nhau cần phải có những nguyên lý bảo vệ riêng. Do đó dưới sự chi đạo của nguyên tắc này, cần phải dựa trên cơ sở nghiên cứu khoa học và luận chứng để đưa ra biện pháp và phân cấp quản lý đối với các di sản văn hoá khác nhau, từ đó mới có thể sử dụng hợp lý và đảm bảo sự an toàn cho di sản văn hoá.

Ngoài ra một số quy định cụ thể của Luật bảo vệ di sản văn hoá cũng nên được xem xét lại. Ví dụ như Điều 29 và Điều 31 quy định: “*Khi tiến hành các công trình xây dựng cỡ lớn, đơn vị xây dựng trước khi tiến hành phải báo với cơ quan hành chính phụ trách quản lý di sản văn hoá của chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu tự trị tổ chức các đơn vị khảo cổ tiến hành điều tra, thăm dò khảo cổ ở những nơi có thể có di vật đang bị vùi lấp trong phạm vi công trình*” và “*Kinh phí chi cho việc khảo sát khảo cổ, khai quật phát sinh trong quá trình xây dựng đều do đơn vị xây dựng phụ trách*”. Điều 5 Luật bảo vệ di sản văn hoá quy định tất cả di sản văn hoá dưới đất, nội thuỷ nằm trong địa giới và lãnh hải Trung Quốc đều thuộc quyền sở hữu quốc gia. Nếu như trong hạng mục xây dựng do doanh nghiệp quốc doanh tiến hành thì các kinh phí khảo cổ, khai quật cần thiết hoàn toàn có thể do chính quyền thương lượng giải quyết. Quyền sở hữu di sản văn hoá thuộc Nhà nước, tính chất của doanh nghiệp quốc doanh cũng thuộc về Nhà nước, do đó về mặt lí luận, doanh nghiệp quốc doanh thay Nhà nước bỏ kinh phí khai quật, bảo vệ di sản văn hoá là hoàn toàn có thể thực hiện được. Nhưng

trong trường hợp là doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì vấn đề này trở nên khó giải quyết. Các công trình xây dựng cần phải tiến hành công tác khảo cổ khai quật thông thường đều thực hiện khi đã tiến hành khởi công công trình. Do đó khi chính quyền không có những thông báo cụ thể, bên xây dựng sẽ rất khó làm được công tác dự báo. Khi phát hiện ra di sản văn hoá, bên xây dựng sẽ không muốn đảm trách phần kinh phí này với lí do rất đơn giản: di sản văn hoá không thuộc quyền sở hữu của họ nên họ không thể đảm trách phần kinh phí này được. Có nhiều đơn vị xây dựng do sợ phải đảm nhận kinh phí hoặc do sợ chậm tiến độ, khi phát hiện ra di sản văn hoá đã không báo cáo lên với cơ quan có trách nhiệm quản lí.

#### *2.4. Mâu thuẫn giữa đội ngũ nhân lực và nhu cầu thực tiễn*

Nhân lực là tiền đề cho sự phát triển, đặc biệt đối với cơ cấu bảo tàng di sản văn hoá càng cần có những chuyên gia có tố chất tốt và trách nhiệm cao. Thế nhưng trong các cơ quan quản lí di sản văn hoá thường xuất hiện hiện tượng “cơ quan văn hoá không có trình độ văn hoá tương đương”. Một mặt là do số lượng nhân viên tăng lên, cơ cấu phình ra, mặt khác là do sự thiếu hụt về nhân lực chuyên ngành. Đây giống như cặp mâu thuẫn nhưng thực ra đó là quan hệ nhân quả. Có không ít người không có trình độ chuyên ngành nhưng lại thấy công việc bảo vệ di sản văn hoá là công việc có thu nhập ổn định, môi trường làm việc yên tĩnh... nên đã tìm mọi cách “chạy chọt” làm cho những người có trình độ chuyên ngành không được sử dụng. Hiện tượng này xảy ra khá nghiêm trọng ở một số cơ quan bảo vệ di sản văn hoá địa phương.

#### *2.5. Ý thức bảo vệ di sản văn hoá chưa đầy đủ*

Di sản văn hoá là những của cải quý giá mà tổ tiên đã sáng tạo và truyền giữ, là của cải của toàn dân tộc, mọi người phải có trách nhiệm bảo vệ. Thế nhưng, di sản văn hoá là của chung mọi người, ai cũng có trách nhiệm thành ra ai cũng không có trách nhiệm. Ý thức bảo vệ di sản văn hoá kém không phải là hiện tượng cá biệt mà nó tồn tại khá phổ biến. Theo một người làm công tác di sản văn hoá quan sát, ở những vùng nông thôn càng xa thành thị thì ý thức bảo vệ di sản văn hoá càng kém. Ở một số địa phương, hiện tượng dùng gạch mộ cổ xây chuồng lợn, dùng bia đá làm nền nhà khá phổ biến. Nếu như được hỏi đến Luật bảo vệ di sản văn hoá thì hầu như không biết, nếu như nói đến giá trị của di sản văn hoá thì cũng chỉ hỏi được một câu đơn giản là đáng giá bao nhiêu tiền. Chính vì thế mà đã làm cho nhiều di sản văn hoá dù nhìn bề ngoài rất bình thường nhưng có giá trị nghiên cứu vô cùng lớn lao bị huỷ hoại một cách vô ý thức. Ý thức chưa đầy đủ về bảo vệ di sản văn hoá không chỉ xuất hiện ở các tầng lớp nhân dân mà tồn tại ở ngay cả trong các cán bộ chính quyền thậm chí là cán bộ ngành bảo vệ di sản văn hoá.

### **3. Đối sách và hướng đi**

Di sản văn hoá chuyển tải văn hoá dân tộc, có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nêu cao tinh thần dân tộc và tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Trung Quốc là đất nước có 5000 năm lịch sử, nền văn hoá đa dạng trong thống nhất được thể hiện sinh động trên các hiện vật. Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ văn hoá dân tộc, tăng cường khối đoàn kết dân tộc, cần phải tăng cường việc bảo vệ

di sản văn hoá. Hướng đến những vấn đề còn tồn tại nêu trên, chúng tôi kiến nghị áp dụng các biện pháp như sau:

- Thực hiện cơ chế quản lý trực tiếp với việc bảo vệ di sản văn hoá. Hiện nay nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những bất cập trong quản lý di sản văn hoá là vấn đề mâu thuẫn giữa xây dựng kinh tế và bảo vệ di sản văn hoá, trong đó nguyên nhân sâu hơn đó là do chủ nghĩa địa phương ở các chính quyền địa phương còn nặng nề. Phát triển kinh tế là nhiệm vụ hàng đầu của các cơ quan chính quyền địa phương và cũng là tiêu chí đánh giá năng lực. Do đó khi xây dựng kinh tế và bảo vệ di sản văn hoá phát sinh mâu thuẫn, các cơ quan này thường hi sinh việc bảo vệ di sản văn hoá mà ưu tiên cho phát triển kinh tế. Do thể chế bảo vệ di sản văn hoá hiện nay, các cơ quan giám sát di sản văn hoá không thể giám sát được chính quyền địa phương, càng không thể ra quyết sách giải quyết các vấn đề phát sinh. Tác giả cho rằng chỉ có trên cơ sở giải quyết quan hệ phụ thuộc lẫn nhau về tài chính, nhân sự... giữa cơ quan quản lý di sản văn hoá và chính quyền địa phương, cơ quan bộ ngành quản lý di sản văn hoá mới có thể có sự giám sát hữu hiệu tới chính quyền địa phương. Do đó, kiến nghị tiến hành cơ chế quản lý trực tiếp đối với việc bảo vệ di sản văn hoá giống như các ngành thuế và bảo vệ môi trường... làm rõ chức trách quản lý, chỉ có như vậy mới có thể làm cho ngành quản lý di sản văn hoá phát huy được vai trò giám sát, bảo vệ thực sự, giải quyết tận gốc sự xem nhẹ bảo vệ di sản văn hoá của các cơ quan chính quyền địa phương.

- Thành lập quỹ bảo vệ di sản văn hoá

quốc gia, tăng cường tính khoa học và tính hợp lý của hệ thống pháp luật liên quan

Điều 10 Luật bảo vệ di sản văn hoá quy định: "*Các khoản chi tài chính cho việc bảo vệ di sản văn hoá sẽ được tăng lên cùng với sự tăng lên của thu nhập tài chính; Nhà nước cổ vũ thành lập các quỹ xã hội bảo vệ di sản văn hoá hoặc chuyên dùng cho việc bảo vệ di sản văn hoá thông qua các hoạt động quyên góp...*". Quy định này thể hiện sự quan tâm, chú ý của Nhà nước với công tác bảo vệ di sản văn hoá, khích lệ các lực lượng xã hội tham gia bảo vệ di sản văn hoá. Nhưng việc bảo vệ di sản văn hoá chỉ dựa vào các lực lượng xã hội sẽ rất thiếu thốn, Nhà nước cần trên cơ sở thực hiện sâu sát việc quản lý, bảo vệ di sản văn hoá thành lập ra Quỹ bảo vệ di sản văn hoá chủ yếu dựa trên nguồn thu thuế. Di sản văn hoá tuy mang tính địa phương nhưng trên hết nó thể hiện tính dân tộc. Do đó không thể để cho một số ít người đảm nhiệm trọng trách kế thừa văn hoá dân tộc. Luật bảo vệ di sản văn hoá quy định bên xây dựng phải bỏ kinh phí khảo cổ mà không cần phân biệt đơn vị xây dựng đó là các doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân. Như vậy tính hợp lý của quy định này cần phải xem xét và ở mức độ nào đó quy định này cũng gây ra việc huỷ hoại các di tích. Nhà nước nên đưa ra quy định theo đó tất cả các công trình xây dựng cỡ lớn, trong các khoản chi cần có khoản chi cho kinh phí bảo vệ di sản văn hoá theo tỉ lệ cụ thể, lấy đó làm nguồn thu cho quỹ bảo vệ di sản văn hoá quốc gia. Quy định kinh phí khảo cổ, khai quật do bên xây dựng đảm nhiệm trong Luật bảo vệ di sản văn hoá cần được bãi bỏ. Làm như vậy sẽ công bằng hơn



đối với bên xây dựng, bởi việc phát hiện ra di sản văn hoá thường mang tính không dự báo trước được, trong quá trình xây dựng, có những công trình phát hiện ra được nhưng cũng có những công trình không phát hiện ra được. Để đơn vị phát hiện ra di sản văn hoá phụ trách kinh phí khảo cổ là điều bất hợp lí.

- Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, đề ra các biện pháp bảo vệ di sản văn hoá

Trong quá trình tìm hiểu nguyên nhân yếu kém của việc bảo vệ di sản văn hoá, chúng ta không nên chỉ quy vào trách nhiệm của chính quyền và bên xây dựng mà cũng cần thấy rằng có trách nhiệm của bản thân người làm công tác bảo vệ. Trong các sự vụ huỷ hoại di tích có thể thấy được một nguyên nhân quan trọng đó là nhận thức về đặc tính của bản thân di tích chưa đầy đủ. Di sản văn hoá có những đặc tính đặc thù duy nhất chỉ nó mới có, do đó việc bảo vệ di sản văn hoá càng mang tính phức tạp. Đối với từng loại di sản văn hoá, với những tính chất khác nhau cần có biện pháp bảo vệ khác nhau, do đó các chuyên gia, học giả cần nhanh chóng nghiên cứu đưa ra một cuốn sổ hướng dẫn các biện pháp bảo vệ mang tính thực dụng và đầy đủ nhất, tránh tình trạng “mất bò mới lo làm chuồng” như một số sự việc đã xảy ra.

- Tăng cường tuyên truyền, bảo vệ di sản văn hoá, tăng cường ý thức bảo vệ di sản văn hoá

Tuyên truyền bảo vệ di sản văn hoá luôn là công tác được quan tâm chú ý của các bộ ngành quản lí di sản văn hoá nhưng đa phần chỉ chú ý đến đối tượng các tầng lớp nhân dân. Thực tế cho thấy ý thức bảo vệ di sản văn hoá yếu kém không chỉ xuất hiện ở các tầng lớp nhân dân mà còn tồn tại khá phổ biến trong viên chức các cấp chính quyền.

Việc nhận thức không đầy đủ của đối tượng này có thể dẫn đến những tổn hại lớn, một số nơi do phiến diện theo đuổi lợi ích kinh tế đã xảy ra hàng loạt các vụ việc do phát triển kinh tế mà huỷ hoại các di tích. Di sản văn hoá truyền tải văn hoá dân tộc, nhìn về lâu dài, lợi ích của nó vượt xa những lợi ích kinh tế trước mắt, theo đuổi lợi ích nhỏ trước mắt mà bỏ đi lợi ích lâu dài đó là cách nhìn thiên cận của một số quan chức hiện nay. Do đó tuyên truyền ý thức bảo vệ di sản văn hoá hiện nay cần chú trọng các đối tượng ở các bộ ngành có liên quan như các đơn vị quy hoạch xây dựng, các đơn vị du lịch... Thay đổi quan niệm chỉ coi trọng giá trị kinh tế của di sản văn hoá, xây dựng quan niệm nhận thức di sản văn hoá trên nhiều phương diện, từ đó giải quyết đúng mối quan hệ giữa bảo vệ di sản văn hoá với xây dựng kinh tế và khai thác du lịch./.

(1). Xem: Lý Hiểu Đông, *Văn vật học*, Nxb. Học Uyển, 2005, tr. 1 - 6.

(2). *Tu truyện*, Nxb. Nhân dân Cát Lâm, 1996, tr. 247.

(3). Triệu Kiệt, “Tổng thuật chế độ bảo vệ văn vật trong các triều đại Trung Quốc”, *Tạp chí Khảo cổ và văn vật*, kì 3 năm 2003.

(4). Tống Tân Triều, “Lí giải về hệ thống quản lí khảo cổ học Trung Quốc”, báo *Di sản văn hoá Trung Quốc*, số 6 năm 2006.

(5). Trần Thuần, Cổ Dịch, “Bảo vệ di sản văn hóa dưới góc độ quốc tế”, (Khoa học xã hội), *Báo Phúc Dân*, số 4 năm 2003.

(6). Xem: Điều 14 Luật quy hoạch thành phố.

(7). Xem: Điều 16 Luật bảo vệ di sản văn hoá.

(8). Xem: Điều 29 Luật bảo vệ di sản văn hóa.

(9). Từ Sùng Linh: “Cái cách hệ thống quản lí các di sản văn hóa quốc gia ở châu Âu và những gợi ý cho Trung Quốc”, *Báo Đại học Thanh Hoa*, số 2 năm 2005.